TÒA ÁN NH DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HN-ST
Ngày: 15 - 01 - 2026.
"V/v tranh chấp yêu cầu không công nhận là vợ chồng"

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- TỈNH AN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Bà Hà Thị Thuỷ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp yêu cầu không công nhận làvợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Hoàng B, sinh ngày 01/01/1986 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã M, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Lô 11, căn 1, Khu phố 3, khu dân cư B, phường G, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 12/08/1995 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Lô 11 Căn 1, Khu phố 3, khu dân cư B, phường G, tỉnh An Giang.

NHẬN THẤY:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2025; bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Hoàng B trình bày*:** Anh Hoàng B và chị G tự tìm hiểu nhau rồi tiến chung sống với nhau từ năm 2017, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau đó vợ chồng thuê nhà sinh sống, đến năm 2024 thì

vợ chồng về sống tại Lô 11 căn 1, Khu phố 3, khu dân cư An Bình, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang đến nay. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian sau này từ giữa năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly tH đến nay.

Nguyên nH: Do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cải vã, mặc dù vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không thành. Nay xét thấy cuộc sống giữa anh Hoàng B và chị G không thể tiếp tục chung sống được nữa nên anh Hoàng B yêu cầu không công nhận là vợ chồng giữa anh và chị G.

Về con chung: Anh Lê Hoàng B xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Lê Ngọc Khả H, sinh ngày 07/10/2018 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 03/05/2024. Anh Hoàng B giao 02 người con chung cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Hoàng B không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Hoàng B xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại phiên toà hôm nay chị Nguyễn Thị Ngọc G có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên chị G cũng thừa nhận và thống theo toàn bộ nội dung anh Lê Hoàng B trình bày được thể hiện tại bản tự khai cũng như tại biên bản hoà giải tại Toà án. Chị G cũng thống nhất tất cả các yêu cầu của anh Lê Hoàng B:*

Về vấn đề hôn nH: Chị Nguyễn Thị Ngọc G đồng ý theo yêu cầu của anh Hoàng B yêu cầu không công nhận là vợ chồng giữa chị và anh Lê Hoàng B.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc G xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Lê Ngọc Khả H, sinh ngày 07/10/2018 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 03/05/2024. Chị G đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu anh Hoàng B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc G xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Lê Hoàng B khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị Ngọc G và chị G là bị đơn cư trú tại phường Rạch Giá, tỉnh An Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân Khu vực 1, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Hoàng B và bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G đều có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật và chị G có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng giữa anh Hoàng

B và chị G tại Tòa án. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt anh Hoàng B và chị G.

[2] Về quan hệ hôn nH: Anh Lê Hoàng B và chị Nguyễn Thị Ngọc G tự nguyện quen biết tìm hiểu nhau rồi chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống anh Hoàng B và chị G không còn yêu thương, giúp đỡ nhau trong quan hệ hôn nH từ đó xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù anh, chị cố gắng hoà giải để hoà thuận nhưng không thành. Anh Hoàng B và chị G cũng đã sống ly tH nhưng không hàn gắn được. Tại bản tự khai cũng như biên bản hoà giải tại Toà án anh Hoàng B và chị G cũng xác định không thể hàn gắn chung sống được nên cả hai đồng ý yêu cầu không công nhận là vợ chồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nH và gia đình năm 2014 "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Anh Hoàng B và chị G mặc dù đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không được pháp luật công nhận hôn nH của anh, chị là hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận không công nhận giữa anh Lê Hoàng B và chị Nguyễn Thị Ngọc G là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Lê Hoàng B và chị Nguyễn Thị Ngọc G xác định anh, chị chung sống có 02 người con chung tên Lê Ngọc Khả H, sinh ngày 07/10/2018 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 03/05/2024. Anh Hoàng B và chị G thống nhất giao 02 người con chung cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Mặt khác, cháu Lê Ngọc Khả H cũng có ý kiến muốn được sinh sống củng với mẹ (chị G) được thể hiện tại biên bản trình bày nguyện vọng ngày 08/01/2026 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu anh Hoàng B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Hoàng B và chị Nguyễn Thị Ngọc G xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Hoàng B phải chịu án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025

Áp dụng khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nH và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nH: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Hoàng B và chị Nguyễn Thị Ngọc G.

2. Về con chung: Anh Lê Hoàng B và chị Nguyễn Thị Ngọc G xác định anh, chị chung sống có 02 người con chung tên Lê Ngọc Khả H, sinh ngày 07/10/2018 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 03/05/2024. Anh Hoàng B và chị G thống nhất giao 02 người con chung cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị G không yêu cầu anh Hoàng B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Hoàng B có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Hoàng B và chị Nguyễn Thị Ngọc G xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí hôn nH và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Hoàng B phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng *(B trăm nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí số 0013026 ngày 31/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Hoàng B và chị Nguyễn Thị Ngọc G vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thuỳ Linh

* ***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh An Giang
- VKSND Khu vực 1-An Giang
- THA DS tỉnh An Giang
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ